

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Ân	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 03/04/2024)
Bà Trịnh Thị Ngọc Biên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/04/2024)
Ông Đoàn Ngọc Tú	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 03/04/2024)
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/04/2024)
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Thâm Hồng Sơn	Thành viên	
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 03/04/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng Ban	(Bỏ nhiệm ngày 03/04/2024)
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 03/04/2024)
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/04/2024)
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Thành viên	
Bà Đoàn Thu Huyền	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 03/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Tài chính kế toán

Ông Đoàn Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 25/06/2024)
Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/06/2024)
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	

Trưởng phòng Tài chính kế toán kiêm người phụ trách kế toán của Công ty là ông Đỗ Vũ Linh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Đoàn Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 32.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo, tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 3.658.483.360 đồng. Đồng thời lỗ lũy kế âm 402.466.520.332 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 23.412.784.236 đồng (tại ngày 01/01/2024, Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 5.128.592.824 đồng, lỗ lũy kế âm 404.457.379.048 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 25.403.642.952 đồng). Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) với số tiền là 473.212.674.000 đồng. Sau khi tái cơ cấu khoản vay, hoạt động kinh doanh của CICT đã ổn định, Công ty bắt đầu có lãi trước thuế từ năm 2024. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên nêu trên.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.216.326.227	10.265.906.380
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	981.905.694	683.611.616
Tiền	111		981.905.694	683.611.616
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.613.742.132	8.182.109.468
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.834.791.743	8.015.124.689
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.315.440	66.445.849
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.929.174.707	2.255.302.167
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.204.539.758)	(2.154.763.237)
Hàng tồn kho	140	10	1.375.104.637	1.072.436.464
Hàng tồn kho	141		1.375.104.637	1.072.436.464
Tài sản ngắn hạn khác	150		245.573.764	327.748.832
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	104.998.901	207.486.790
Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.786.962	120.262.042
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	89.787.901	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.994.792.130	33.154.028.318
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	3.682.400.000	3.680.400.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.682.400.000	3.680.400.000
Tài sản cố định	220		1.797.391.116	2.198.696.436
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.669.247.472	2.045.750.784
- Nguyên giá	222		11.984.045.111	14.847.479.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.314.797.639)	(12.801.728.919)
Tài sản cố định vô hình	227	12	128.143.644	152.945.652
- Nguyên giá	228		269.996.000	269.996.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.852.356)	(117.050.348)
Bất động sản đầu tư	230	13	26.354.294.715	27.129.421.023
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.076.642.073)	(9.301.515.765)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		160.706.299	145.510.859
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	160.706.299	145.510.859
TỔNG TÀI SẢN	270		43.211.118.357	43.419.934.698

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		66.623.902.593	68.823.577.650
Nợ ngắn hạn	310		14.874.809.587	15.394.499.204
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.040.646.099	11.739.595.484
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		84.531.170	84.531.170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.041.270	9.482.041
Phải trả người lao động	314		699.332.164	619.702.607
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	848.011.467	809.564.076
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.660.948.836	1.660.948.836
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	537.577.289	468.953.698
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
Nợ dài hạn	330		51.749.093.006	53.429.078.446
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	13.882.563.322	14.310.819.982
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	34.811.309.684	36.472.258.464
Phải trả dài hạn khác	337	18	3.055.220.000	2.646.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(23.412.784.236)	(25.403.642.952)
Vốn chủ sở hữu	410	19	(23.412.784.236)	(25.403.642.952)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(402.466.520.332)	(404.457.379.048)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(404.457.379.048)	(402.772.919.052)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.990.858.716	(1.684.459.996)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		43.211.118.357	43.419.934.698

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Vân

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	37.098.976.163	30.888.288.785
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.098.976.163	30.888.288.785
Giá vốn hàng bán	11	21	32.679.271.582	28.292.441.658
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.419.704.581	2.595.847.127
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.101.794	97.350.588
Chi phí tài chính	22	23	4.850.000	2.730.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.413.535.657	5.053.415.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.010.420.718	(2.362.947.759)
Thu nhập khác	31	25	1.620.795.878	1.599.827.328
Chi phí khác	32	26	463.193.386	744.175.071
Lợi nhuận khác	40		1.157.602.492	855.652.257
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.168.023.210	(1.507.295.502)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	177.164.494	177.164.494
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.990.858.716	(1.684.459.996)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	55	(46)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	55	(46)

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Vân

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.168.023.210	(1.507.295.502)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.176.431.628	1.262.123.789
Các khoản dự phòng	03		49.776.521	(127.000.000)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(117.000)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(942.439.267)	(1.410.583.588)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.451.792.092	(1.782.872.301)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(680.886.500)	(2.510.609.831)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(302.668.173)	180.755.902
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.022.510.562)	(1.248.872.523)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		87.292.449	376.661.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(177.164.495)	(329.977.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(644.145.189)	(5.314.915.489)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(848.205.441)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		941.157.473	1.313.350.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.281.794	97.233.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		942.439.267	562.378.147

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		298.294.078	(4.752.537.342)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	683.611.616	5.436.148.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	981.905.694	683.611.616

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Vân

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700688013 ngày 02/11/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 04/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Ô số 34 Lô LK2 - Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 365.050.000.000 đồng chia thành 36.050.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 27 tháng 07 năm 2017 với mã chứng khoán là CPI. Từ ngày 28/07/2017 đến nay, Công ty bị hạn chế giao dịch do âm vốn chủ sở hữu.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

1.8 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 25 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 33 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3. NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Góp vốn liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
- Tài sản cố định khác	04

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: phần mềm máy vi tính với thời gian sử dụng từ 03 đến 05 năm.

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP, nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, đáng tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (TIẾP)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá....

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển và hoạt động kinh doanh thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp theo gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	30.000.000	126.249.003
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	951.905.694	557.362.613
Cộng	981.905.694	683.611.616

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	104.998.901	207.486.790
- Chi phí bảo hiểm	26.441.692	70.418.243
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.164.752	34.957.716
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	52.870.834
- Các khoản khác	77.392.457	49.239.997
b) Dài hạn	160.706.299	145.510.859
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	107.767.979	57.474.427
- Các khoản khác	52.938.320	88.036.432
Cộng	265.705.200	352.997.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)
+ Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)
Cộng	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	(*)

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu là 51%.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 của CICT đã vượt quá Vốn chủ sở hữu của công ty này.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa bởi vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	7.834.791.743	(388.300.158)	8.015.124.689	(338.523.637)
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	2.392.696.049	-	1.949.475.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng An Việt Phát	1.802.461.941	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	-	-	3.729.005.586	-
- Công ty TNHH Sản xuất Dương Linh	1.037.192.069	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	2.602.441.684	(388.300.158)	2.336.644.103	(338.523.637)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.834.791.743	(388.300.158)	8.015.124.689	(338.523.637)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.929.174.707	(1.816.239.681)	2.255.302.167	(1.816.239.681)
- Tạm ứng	703.717.530	-	358.228.246	-
- Ký cược, ký quỹ	23.000.000	-	3.000.000	-
- Nợ phải thu chờ xử lý (*)	1.816.239.681	(1.816.239.681)	1.816.239.681	(1.816.239.681)
- Phải thu khác	386.217.496	-	77.834.240	-
b) Dài hạn	3.682.400.000	-	3.680.400.000	-
- Ký cược, ký quỹ	3.682.400.000	-	3.680.400.000	-
Cộng	6.611.574.707	(1.816.239.681)	5.935.702.167	(1.816.239.681)

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 32.2

(*) Nợ phải thu chờ xử lý là khoản công nợ phải thu còn lại được Công ty phân loại từ khoản phải thu khách hàng sau khi Công ty và Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) ký Thỏa thuận ngày 11/07/2022 giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp giữa hai bên liên quan đến dịch vụ vận chuyển sà lan từ Cảng Cái Lân đi Hải Phòng theo hợp đồng số CICT.HDKT/2018.01/CPI ngày 01/01/2018. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để xử lý khoản nợ phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	-	(170.810.966)	170.810.966	-	(170.810.966)
- Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	-	(70.408.525)	70.408.525	-	(70.408.525)
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	-	(74.163.817)	74.163.817	-	(74.163.817)
- Nợ phải thu chờ xử lý	1.816.239.600	-	(1.816.239.600)	1.816.239.600	-	(1.816.239.600)
- Công ty TNHH Chế biến lâm sản dăm gỗ VINA	23.140.329	-	(23.140.329)	23.140.329	-	(23.140.329)
- Công ty CP kinh doanh cảng Hạ Long	99.553.042	49.776.521	(49.776.521)	99.553.042	99.553.042	-
Cộng	2.254.316.279	49.776.521	(2.204.539.758)	2.254.316.279	99.553.042	(2.154.763.237)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	115.439.719	-	116.759.734	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.259.664.918	-	955.676.730	-
Cộng	1.375.104.637	-	1.072.436.464	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	608.800.000	12.971.679.703	212.276.000	1.054.724.000	14.847.479.703
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.863.434.592)	-	-	(2.863.434.592)
31/12/2024	608.800.000	10.108.245.111	212.276.000	1.054.724.000	11.984.045.111
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(484.575.378)	(11.325.827.261)	(212.276.000)	(779.050.280)	(12.801.728.919)
- Khấu hao trong năm	(35.492.760)	(240.765.528)	-	(100.245.024)	(376.503.312)
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.863.434.592	-	-	2.863.434.592
31/12/2024	(520.068.138)	(8.703.158.197)	(212.276.000)	(879.295.304)	(10.314.797.639)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	124.224.622	1.645.852.442	-	275.673.720	2.045.750.784
31/12/2024	88.731.862	1.405.086.914	-	175.428.696	1.669.247.472

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 8.883.816.034 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 11.818.830.626 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	269.996.000	269.996.000
31/12/2024	269.996.000	269.996.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(117.050.348)	(117.050.348)
- Khấu hao trong năm	(24.802.008)	(24.802.008)
31/12/2024	(141.852.356)	(141.852.356)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	152.945.652	152.945.652
31/12/2024	128.143.644	128.143.644

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
31/12/2024	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	(8.584.695.265)	(716.820.500)	(9.301.515.765)
- Khấu hao trong năm	(715.391.268)	(59.735.040)	(775.126.308)
31/12/2024	(9.300.086.533)	(776.555.540)	(10.076.642.073)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	25.038.694.543	2.090.726.480	27.129.421.023
31/12/2024	24.323.303.275	2.030.991.440	26.354.294.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.040.646.099	11.040.646.099	11.739.595.484	11.739.595.484
- Ban quản lý dự án Hàng hải 2	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.616.239.600	1.616.239.600	1.616.239.600	1.616.239.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng du lịch và Thương mại Thắm Gia	1.526.355.592	1.526.355.592	3.342.400.000	3.342.400.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	3.898.050.907	3.898.050.907	2.780.955.884	2.780.955.884
Cộng	11.040.646.099	11.040.646.099	11.739.595.484	11.739.595.484

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	428.524.375	428.524.375	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.041.271	177.164.494	177.164.495	2.041.270
- Thuế thu nhập cá nhân	7.440.770	56.301.760	63.742.530	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	107.333.340	107.333.340	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.047.023	1.047.023	-
Cộng	9.482.041	773.370.992	780.811.763	2.041.270
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	89.787.901	89.787.901
Cộng	-	-	89.787.901	89.787.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	848.011.467	809.564.076
- Thuế nhà đất phải trả (*)	428.256.660	428.256.660
- Các khoản trích trước khác	419.754.807	381.307.416
b) Dài hạn	13.882.563.322	14.310.819.982
- Thuế nhà đất phải trả (*)	13.882.563.322	14.310.819.982
Cộng	14.730.574.789	15.120.384.058

(*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.660.948.836	1.660.948.836
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.836	1.660.948.836
b) Dài hạn	34.811.309.684	36.472.258.464
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	34.811.309.684	36.472.258.464
Cộng	36.472.258.520	38.133.207.300

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	537.577.289	468.953.698
- Kinh phí công đoàn	7.660.603	29.320.120
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	390.291.686	300.008.578
b) Dài hạn	3.055.220.000	2.646.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.055.220.000	2.646.000.000
Cộng	3.592.797.289	3.114.953.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(402.772.919.052)	(23.719.182.956)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(1.684.459.996)	(1.684.459.996)
31/12/2023	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(404.457.379.048)	(25.403.642.952)
01/01/2024	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(404.457.379.048)	(25.403.642.952)
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.990.858.716	1.990.858.716
31/12/2024	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(402.466.520.332)	(23.412.784.236)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ VND	01/01/2024 VND	Tỷ lệ VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
- Vốn góp của các đối tượng khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
Cộng	365.050.000.000	100,00%	365.050.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp cuối năm	365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	37.098.976.163	30.888.288.785
- Doanh thu dịch vụ và hàng hải	35.438.027.383	29.227.340.005
- Doanh thu cho thuê bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
Cộng	37.098.976.163	30.888.288.785

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	31.904.145.274	27.517.315.350
- Giá vốn của dịch vụ và hàng hải	31.904.145.274	27.517.315.350
- Giá vốn cho thuê bất động sản	775.126.308	775.126.308
Cộng	32.679.271.582	28.292.441.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.281.794	97.233.588
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.820.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	117.000
Cộng	9.101.794	97.350.588

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.850.000	2.730.000
Cộng	4.850.000	2.730.000

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.596.252.987	2.612.815.185
- Chi phí vật liệu quản lý	97.153.236	125.572.687
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	131.195.472	165.625.318
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	49.776.521	(127.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	828.131.616	960.415.810
- Chi phí bằng tiền khác	708.025.825	1.312.986.474
Cộng	3.413.535.657	5.053.415.474

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	941.157.473	1.241.329.058
- Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	334.846.020	334.846.020
- Các khoản khác	344.792.385	23.652.250
Cộng	1.620.795.878	1.599.827.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	20.000.000	332.000.000
- Các khoản bị phạt	252.512.573	21.845.756
- Các khoản chi phí khác	190.680.813	390.329.315
Cộng	463.193.386	744.175.071

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.488.395.726	2.915.728.095
- Chi phí nhân công	5.058.094.369	7.132.044.984
- Khấu hao tài sản cố định	1.176.431.628	1.262.123.789
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	49.776.521	(127.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.756.587.673	20.664.826.412
- Chi phí bằng tiền khác	1.795.120.116	1.326.395.004
Cộng	36.324.406.033	33.174.118.284

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.168.023.210	(1.507.295.502)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	51.631.278	571.759.788
- Các khoản chi phí không hợp lệ	51.631.278	571.759.788
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.333.832.016	(147.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(147.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	1.333.832.016	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	885.822.472	(935.388.714)
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	(1.821.505.186)
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	885.822.472	885.822.472
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	177.164.494	177.164.494
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	177.164.494	177.164.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.990.858.716	(1.684.459.996)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.505.000	36.505.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	55	(46)

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công trong năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ và hàng hải	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng toàn Công ty
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	35.438.027.383	1.660.948.780	37.098.976.163
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124.598.246	885.822.472	1.010.420.718
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận trực tiếp	13.748.795.678	26.354.294.715	40.103.090.393
Tài sản không phân bổ	-	-	3.108.027.964
Tổng tài sản	13.748.795.678	26.354.294.715	43.211.118.357
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.125.177.269	36.472.258.520	47.597.435.789
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	19.026.466.804
Tổng nợ phải trả	11.125.177.269	36.472.258.520	66.623.902.593

Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công trong năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ và hàng hải	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng toàn Công ty
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.227.340.005	1.660.948.780	30.888.288.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.248.770.231)	885.822.472	(2.362.947.759)
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận trực tiếp	15.486.640.017	27.129.421.023	42.616.061.040
Tài sản không phân bổ	-	-	803.873.658
Tổng tài sản	15.486.640.017	27.129.421.023	43.419.934.698
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.824.126.654	38.133.207.300	49.957.333.954
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	18.866.243.696
Tổng nợ phải trả	11.824.126.654	38.133.207.300	68.823.577.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

32.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Công- ten- nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là phó Tổng giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thâm gia	Ông Thâm Hồng Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc Công ty này
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	244.304.400	815.369.670
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	4.459.588.558	2.204.217.730
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng du lịch và thương mại Thâm Gia	9.709.141.844	9.772.000.000
- Công ty Cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam - Vosa Quảng Ninh	-	2.668.600
- Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	-	766.946.943
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	99.269.100	-
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.415.998.205	3.163.780.285
- Công ty Cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam - Vosa Quảng Ninh	30.494.200	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	698.720.000	30.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	274.680.072	1.949.475.000
Phải thu khác		
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	1.816.239.681	1.816.239.681
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng du lịch và thương mại Thắm Gia	3.680.400.000	3.680.400.000
Phải trả người bán		
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	1.616.239.600	1.616.239.600
- Tổng Công ty hàng hải Việt Nam - CTCP	-	823.841.637
- Công ty CP đầu tư xây dựng du lịch và thương mại Thắm Gia	-	3.342.400.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	621.461.106
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	-	275.686.818

Thu nhập của các nhân sự chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		761.900.536	1.083.111.135
Đỗ Đức Ân	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000
Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên HĐQT	-	-
Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
Thắm Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
Phạm Văn Toàn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 03/4/2024; miễn nhiệm tổng giám đốc ngày 01/6/2024)	120.000.000	352.180.000
Đoàn Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 03/4/2024; bổ nhiệm Tổng ngày 25/6/2024)	146.736.364	-
Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	251.112.582	240.820.454
Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	238.051.590	400.110.681
Thù lao, tiền lương của Ban kiểm soát		9.000.000	102.000.000
Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/04/2024)	3.000.000	34.000.000
Dương Thu Hiền	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/04/2024)	3.000.000	34.000.000
Nguyễn Tư Thịnh	Thành viên ban kiểm soát	3.000.000	34.000.000
Đoàn Thu Huyền	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 03/04/2024)	-	-
Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 03/04/2024)	-	-
Tổng		779.900.536	1.287.111.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2024, trên bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 3.658.483.360 đồng, đồng thời lỗ lũy kế âm 402.466.520.332 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 23.412.784.236 đồng (tại ngày 01/01/2024, Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 5.128.592.824 đồng, lỗ lũy kế âm 404.457.379.048 đồng, Vốn chủ sở hữu âm 25.403.642.952 đồng). Những dấu hiệu này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) với số tiền là 473.212.674.000 đồng. Sau khi tái cơ cấu khoản vay, hoạt động kinh doanh của CICT đã ổn định, Công ty bắt đầu có lãi trước thuế từ năm 2024. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

32.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã được kiểm toán.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Vân

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Đỗ Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Tú